

Bản án số: 265/2024/KDTM-ST

Ngày: 26-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2024/TLST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 839/2024/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T; trụ sở: 53E – 53F/1 M - T, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Thế V theo giấy ủy quyền ngày 08/4/2024; Địa chỉ: E - E Đường M, khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Công ty TNHH P; trụ sở: A Hồ N, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức D; Địa chỉ: N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Công ty TNHH T do ông Đỗ Thế V đại diện trình bày:

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, Công ty TNHH P có liên hệ với Công ty TNHH T về việc mua 59 cái học sắt ký hiệu SH1 và giao về địa chỉ theo yêu cầu tại khu Công nghiệp V.

Sau khi thỏa thuận và thống nhất về giá, các yêu cầu về chất lượng sản phẩm, thương thức giao nhận hàng, bị đơn chuyển khoản số tiền đặt cọc cho

nguyên đơn là 28.482.840 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng) trong ngày 13 tháng 07 năm 2023.

Ngày 14 tháng 07 năm 2023, nguyên đơn và bị đơn đã tiến hành ký Hợp đồng mua bán số 14.07.2023/HĐMB/LAP- MODULE với nội dung thỏa thuận trên. Cùng ngày, nguyên đơn đã tiến hành giao hàng cho bị đơn theo đúng số lượng, chất lượng tại địa chỉ LEGO M (LMV) (Nhà máy L - Số A đường số C, VSIP III, T, Bình Dương theo phiếu giao nhận hàng kèm phiếu xuất kho số HĐ230318 đã ký nhận xác nhận của nhân viên 2 bên.

Sau đó, nguyên đơn đã chuyển giao hồ sơ đề nghị thanh toán đợt 2 bao gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng số 282, kí hiệu 1C23TAP (Hóa đơn điện tử đã được gửi đến địa chỉ mail ketoan@nhamodule.com và phiếu giao nhận hàng cùng ngày 14 tháng 07 năm 2023. Căn cứ theo khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng mua bán giữa hai bên thì bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 70% giá trị còn lại của hợp đồng, tương đương với số tiền là 66.459.960 đồng trong vòng 1 tuần kể từ ngày nguyên đơn bàn giao đủ hàng hóa, hóa đơn GTGT, phiếu giao nhận hàng kèm phiếu xuất kho.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về giao hàng hóa và hồ sơ đề nghị thanh toán đợt 2. Tuy nhiên qua nhiều lần làm việc, gửi công văn yêu cầu bị đơn thanh toán và nhận được lời hứa sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện

Nay, nguyên đơn khởi kiện và kính đề nghị Tòa án giải quyết với yêu cầu như sau:

- Buộc bị đơn phải thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn số tiền 71.066.637 đồng, bao gồm: Số tiền mua hàng còn thiếu là 66.459.960 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất 10%/năm tạm tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày 30/3/2024 (253 ngày) là 4.606.677 đồng

- Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 01/04/2024 đến khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ thanh toán xong khoản tiền gốc theo lãi suất quá hạn.

Bị đơn: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Do bị đơn vắng mặt và nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên những lời trình bày tại tòa về nội dung và quá trình phát sinh tranh chấp của hai bên. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn thiếu là 66.459.960 đồng. Nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi phát sinh.

Bị đơn: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội

đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 66.459.960 đồng là có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi là tự nguyện không trái pháp luật nên đề nghị đình chỉ yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Phía nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa triệu tập họp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền mua bán hàng hóa còn thiếu là 66.459.960 đồng một lần ngày khi án có hiệu lực pháp luật, thấy:*

Bị đơn đã được Tòa thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không cung cấp lời khai, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình trong việc xác nhận hay phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là cơ sở để Tòa án xem xét.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 14.07.2023/HĐMB/LAP-MODULE trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo thỏa thuận của hai bên, bị đơn đặt mua 59 cái hộc sắt ký hiệu HS1 có kích thước : 396mm x 480 mm x 655 mm với giá 1.490.000 đồng, 8 % thuế VAT, tổng giá trị hợp đồng là 94.942.800 đồng. Bị đơn đã thực hiện chuyển vào tài khoản của nguyên đơn 30% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền 28.482.840 đồng. Nguyên đơn cũng đã xuất hóa đơn VAT số 280, kí hiệu

IC23TAP ngày 14/7/2023, hai bên cũng đã ký phiếu giao nhận hàng kiêm phiếu xuất kho ngày 14/7/2023. Nguyên đơn cũng đã gửi công văn đề nghị thanh toán giá trị đơn hàng còn lại là 66.459.960 đồng kèm hóa đơn VAT, phiếu giao nhận hàng cho bị đơn. Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình nên được quyền yêu cầu bị đơn thanh toán. Việc bị đơn không thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 50 Luật Thương mại nên có nghĩa vụ thanh toán ngay một lần số tiền trên cho nguyên đơn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán là 4.606.677 đồng, thấy: Do nguyên đơn rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu và không xem xét.

[3] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 24, 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH T.

1.1/ Buộc Công ty TNHH P có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền là 66.459.960 đồng (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T về việc buộc Công ty TNHH P trả số tiền lãi chậm thanh toán.

1.3/ Kể từ ngày Công ty TNHH T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH P chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì Công ty TNHH P phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH P phải chịu án phí là 3.322.988 đồng (Ba triệu ba trăm hai mươi hai ngàn chín trăm tám mươi tám đồng).

- Công ty TNHH T được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001936 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo

